

Đồng Nai, ngày 01 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN TÍCH RỦI RO MẤT RỪNG (Deforestation Risk Assessment and Analysis Report)

1. THÔNG TIN CHUNG/GENERAL INFORMATION

- **Tên công ty:** Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh
- **Company name:** *Loc Ninh Rubber One Member Limited Liability Company*
- **Địa chỉ:** *thôn Ninh Thuận, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai*
- **Address:** *Loc Ninh Commune, Dong Nai Province, Vietnam*
- **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su nguyên liệu
- **Business activities:** *Planting, maintenance, harvesting and processing of natural rubber*
- **Vai trò trong chuỗi cung ứng:** Nhà sản xuất và cung cấp nguyên liệu mủ cao su
- **Role in supply chain:** *Producer and supplier of natural rubber raw material*
- **Hàng hóa thuộc phạm vi EUDR:** Cao su thiên nhiên
- **EUDR relevant commodity:** *Natural rubber*

2. MỤC TIÊU VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ/ OBJECTIVE AND LEGAL BASIS

Báo cáo này được lập nhằm chứng minh rằng nguyên liệu cao su thiên nhiên do Công ty sản xuất không liên quan đến phá rừng sau ngày 31/12/2020, phù hợp với Điều 3(a) của Quy định (EU) 2023/1115 (EUDR).

Báo cáo được xây dựng dựa trên:

- Quy định (EU) 2023/1115 (EUDR)
- Tiêu chuẩn PEFC ST 2002-1:2024 – PEFC EUDR DDS
- Phân tích dữ liệu che phủ đất và dữ liệu không gian

This report is prepared to demonstrate compliance with Article 3(a) of Regulation (EU) 2023/1115, confirming that the natural rubber produced by the Company is not associated with deforestation after 31 December 2020.

The analysis is conducted in line with:

- *Regulation (EU) 2023/1115 (EUDR)*
- *PEFC ST 2002-1:2024 – PEFC EUDR Due Diligence System*
- *Spatial land use and land cover analysis*

3. MÔ TẢ KHU VỰC SẢN XUẤT/ DESCRIPTION OF PRODUCTION AREAS

3.1 Cơ cấu tổ chức/ Organizational structure

Công ty có 08 đội sản xuất, là đơn vị trực thuộc, không có tư cách pháp nhân độc lập. Toàn bộ diện tích đất trồng cao su do Công ty đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được nhà nước cho thuê đất, không thuê đất từ hộ dân hoặc bên thứ ba.

The Company operates eight (08) production teams, which are internal units without separate legal status. All rubber plantation land is legally registered under the Company's

name and is leased from the State. The Company does not lease land from households or any third parties.

3.2 Vị trí khu vực sản xuất/Location of production areas

Quốc gia sản xuất: Việt Nam

Country of production: Vietnam

Địa bàn hành chính: Thuộc các xã Lộc Ninh, Lộc Tấn, Lộc Thành, Lộc Hưng, Lộc Thành, Lộc Quang, Tân Tiến, Thiện Hưng, Hưng Phước của tỉnh Đồng Nai

Administrative location: Located within Loc Ninh, Loc Tan, Loc Thanh, Loc Hung, Loc Thanh, Loc Quang, Tan Tien, Thien Hung, and Hung Phuoc Communes of Dong Nai Province, Vietnam.

Số đội sản xuất: 08

Number of production units: 08

Tổng diện tích trồng (ha): 10.979,56 ha

Total planted area (ha): 10.979,56 ha

3.3 Quyền sử dụng đất/ Land tenure

Chủ sử dụng đất: Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh

Land user: The Company

Hình thức pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ), Quyết định phê duyệt dự án.

Legal status: Land Use Right Certificate (LURC), Project Approval Decision

STT	Số GCN QSDĐ	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Diện tích (ha)	Vị trí hành chính	Hình thức sử dụng đất
No.	LURC No.	Date of issuance	Issuing authority	Area (ha)	Administrative location	Land tenure type
1	Q300251	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	729,04	Xã Thiện Hưng/ <i>Thien Hung Commune</i>	Nhà nước cho thuê đất/ <i>Land leased from the State</i>
2	Q300255	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	2.068,45	Xã Lộc Thuận (từ 1/7/2025 đổi tên thành xã Lộc Ninh)/ <i>Loc Thuan Commune (renamed to Loc Ninh Commune from 1 July 2025)</i>	Nhà nước cho thuê đất/ <i>Land leased from the State</i>
3	T352052	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	2.467,95	Xã Lộc Tấn/ <i>Loc Tan Commune</i>	Nhà nước cho thuê đất/ <i>Land leased from the State</i>
4	T352057	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	984,31	Xã Lộc An (từ 1/7/2025 đổi tên thành xã Tân Tiến)/ <i>Loc An Commune (renamed to Tan Tien Commune from 1 July 2025)</i>	Nhà nước cho thuê đất/ <i>Land leased from the State</i>

5	Q300253	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	357,62	Xã Lộc Điền/ (từ 1/7/2025 đổi tên thành xã Lộc Hưng) Loc Dien Commune (renamed to Loc Hung Commune from 1 July 2025)	Nhà nước cho thuê đất/ Land leased from the State
6	Q300528	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	539,79	Xã Lộc Hiệp (từ 1/7/2025 đổi tên thành xã Lộc Quang) Loc Hiep Commune (renamed to Loc Quang Commune from 1 July 2025)	Nhà nước cho thuê đất/ Land leased from the State
7	T352054	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	308,34	Thị trấn Lộc Ninh (từ 1/7/2025 đổi tên thành xã Lộc Ninh) Loc Ninh Town (reclassified and renamed to Loc Ninh Commune from 1 July 2025)	Nhà nước cho thuê đất/ Land leased from the State
8	T352053	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	771,59	Xã Hưng Phước/Hung Phuoc Commune	Nhà nước cho thuê đất/ Land leased from the State
9	Q300262	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	28,73	Xã Thanh Hòa (từ 1/7/2025 gộp vào xã Thiện Hưng)/ Thanh Hoa Commune (merged into Thien Hung Commune from 1 July 2025)	Nhà nước cho thuê đất/ Land leased from the State
10	R916349	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	321,94	Xã Lộc Hòa (từ 1/7/2025 gộp vào xã Lộc Thạnh)/ Loc Hoa Commune (merged into Loc Thanh Commune from 1 July 2025)	Nhà nước cho thuê đất/ Land leased from the State
11	Q300257	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	162,69	Xã Lộc Thành/Loc Thanh Commune	Nhà nước cho thuê đất/ Land leased from the State
12	Q300254	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	606,06	Xã Lộc Thái (từ 1/7/2025 gộp vào xã Lộc Ninh)/ Loc Thai Commune (merged into Loc Ninh Commune from 1 July 2025)	Nhà nước cho thuê đất/ Land leased from the State
13	Q300256	10/9/2001	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	709,97	Xã Lộc Thiện (từ 1/7/2025 gộp vào xã Lộc Tấn)/ Loc Thien Commune (merged into Loc Tan Commune from 1 July 2025)	Nhà nước cho thuê đất/ Land leased from the State

14	AH514491	02/7/2008	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	223,84	Xã Hưng Phước/ <i>Hung Phuoc Commune</i>	Nhà nước cho thuê đất/ <i>Land leased from the State</i>
15	CN089874	29/8/2018	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	82,65	Xã Lộc Thiện (từ 1/7/2025 gộp vào xã Lộc Tấn)/ <i>Loc Thien Commune (merged into Loc Tan Commune from 1 July 2025)</i>	Nhà nước cho thuê đất/ <i>Land leased from the State</i>
16	CN089871	29/8/2018	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	87,01	Xã Lộc Tấn/ <i>Loc Tan Commune</i>	Nhà nước cho thuê đất/ <i>Land leased from the State</i>
17	CN089873	29/8/2018	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	143,02	Xã Lộc Thạnh/ <i>Loc Thanh Commune</i>	Nhà nước cho thuê đất/ <i>Land leased from the State</i>
18	CO195607	14/09/2018	UBND tỉnh Bình Phước/ People's Committee of Binh Phuoc Province	737,71	Xã Lộc Tấn/ <i>Loc Tan Commune</i>	Nhà nước cho thuê đất/ <i>Land leased from the State</i>

4. DỮ LIỆU TỌA ĐỘ VÀ BẢN ĐỒ/ GEOLOCATION AND SPATIAL DATA

Công ty đã xây dựng và lưu trữ bản đồ địa chính được nhà nước giao đất, cho thuê đất từ năm 1999 đến năm 2016, bao phủ toàn bộ diện tích trồng cao su của Công ty. Bản đồ được số hóa, thể hiện rõ ranh giới đất trồng theo từng đội sản xuất.

The Company has established and maintained cadastral maps of land allocated and leased by the State from 1999 to 2016, covering the entire rubber plantation area of the Company. The maps have been digitized and clearly delineate plantation boundaries by each production team.

5. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH MẤT RỪNG/ METHODOLOGY OF DEFORESTATION ANALYSIS

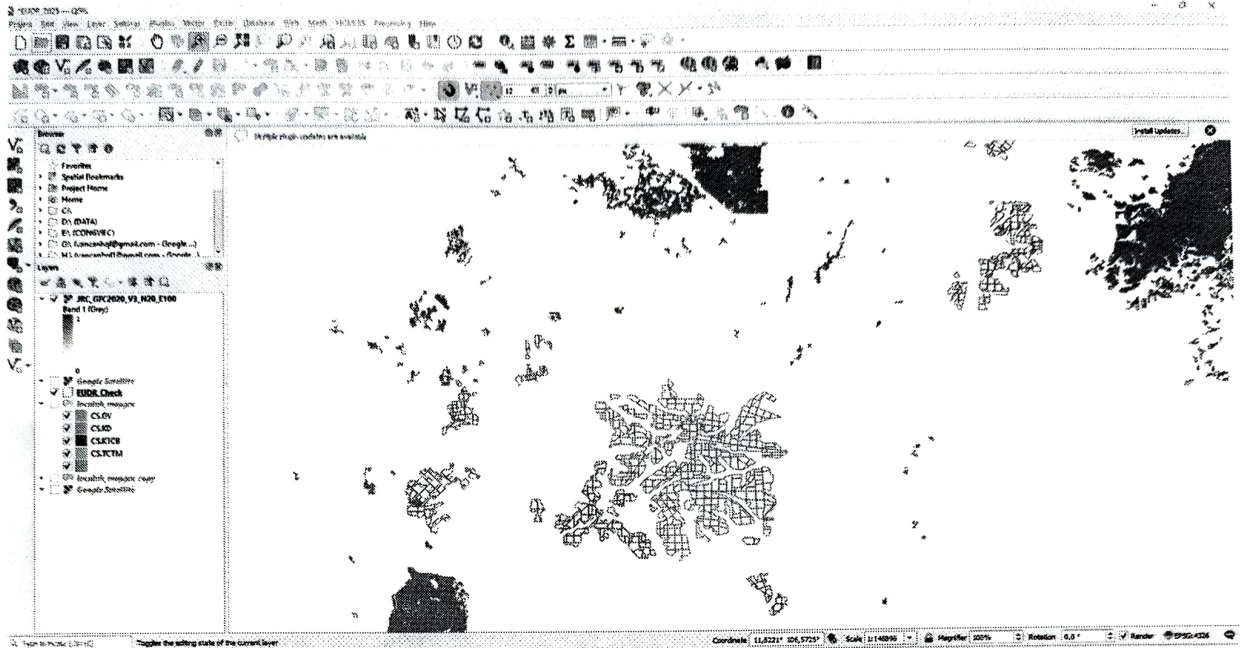
Phân tích mất rừng được thực hiện theo các bước sau:

1. Sử dụng bản đồ địa chính được cho thuê đất của Công ty
2. Chồng xếp với bản đồ che phủ đất (land cover) năm 2020
3. Đối chiếu loại hình sử dụng đất
4. Đánh giá khả năng chuyển đổi rừng sau ngày 31/12/2020

The deforestation analysis was conducted using the following steps:

1. *Use of the Company's cadastral maps of leased land*
2. *Overlay analysis with the land cover map of year 2020*
3. *Comparison of land use categories*
4. *Assessment of potential forest conversion after 31 December 2020*

Hình ảnh chồng xếp bản đồ bằng QGIS/ Map overlay analysis conducted using QGIS



6. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẤT RỪNG/ RESULTS OF DEFORESTATION ANALYSIS

Kết quả phân tích cho thấy:

Phát hiện có sự chồng lấn giữa bản đồ Global Forest Cover 2020 và bản đồ lô cao su của Công ty tại các tọa độ chính:

- (1) . Tọa độ 12,017792 - 106,819820: diện tích 23 ha.
- (2) . Tọa độ 11,780977 - 106,678173: Diện tích 0,1 ha.
- (3) . Tọa độ 11,843643 - 106,440779: Diện tích: 0,7 ha.

Results of the analysis indicate that:

An overlap was identified between the Global Forest Cover 2020 map and the Company's rubber plantation plot map at the following key coordinates:

1. *Coordinates: 12.017792, 106.819820 – Area: 23 ha*
2. *Coordinates: 11.780977, 106.678173 – Area: 0.1 ha*
3. *Coordinates: 11.843643, 106.440779 – Area: 0.7 ha*

Công ty tiến hành đánh giá rủi ro, kiểm tra thực tế và phân tích hồ sơ liên quan, kết quả phân tích cho thấy:

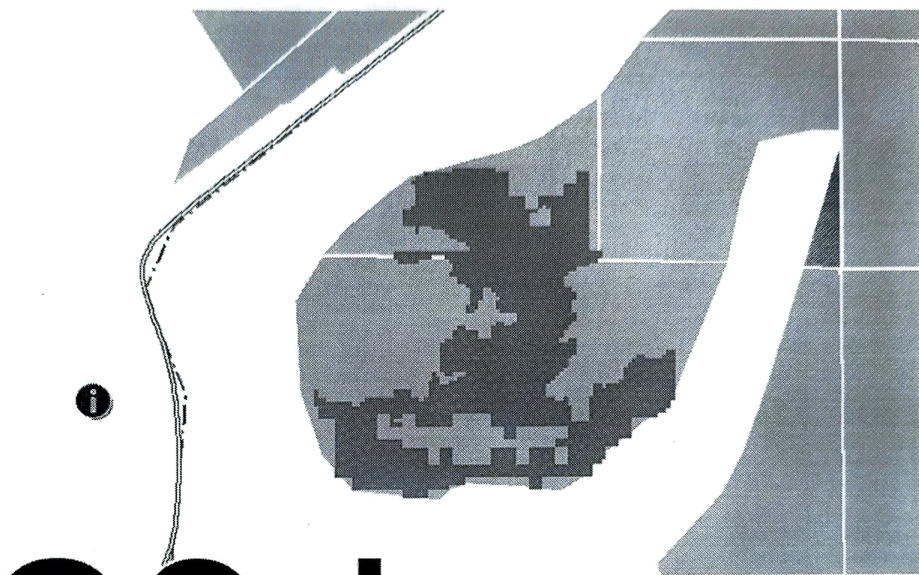
The Company conducted a risk assessment, field verification, and a review of relevant records, and the analysis results indicate that:

Tại điểm tọa độ số 1: diện tích 23ha. Thuộc các lô số 18 và lô số 19 do Đội sản xuất số 5 của Công ty chăm sóc. Lô 18 và lô 19 được trồng cao su vào năm 1998 và được trồng tái canh vào năm 2019. Tọa độ có thể được kiểm chứng trên diễn biến ảnh vệ tinh của Google Earth và hồ sơ tái canh, chăm sóc vườn cây của Công ty.

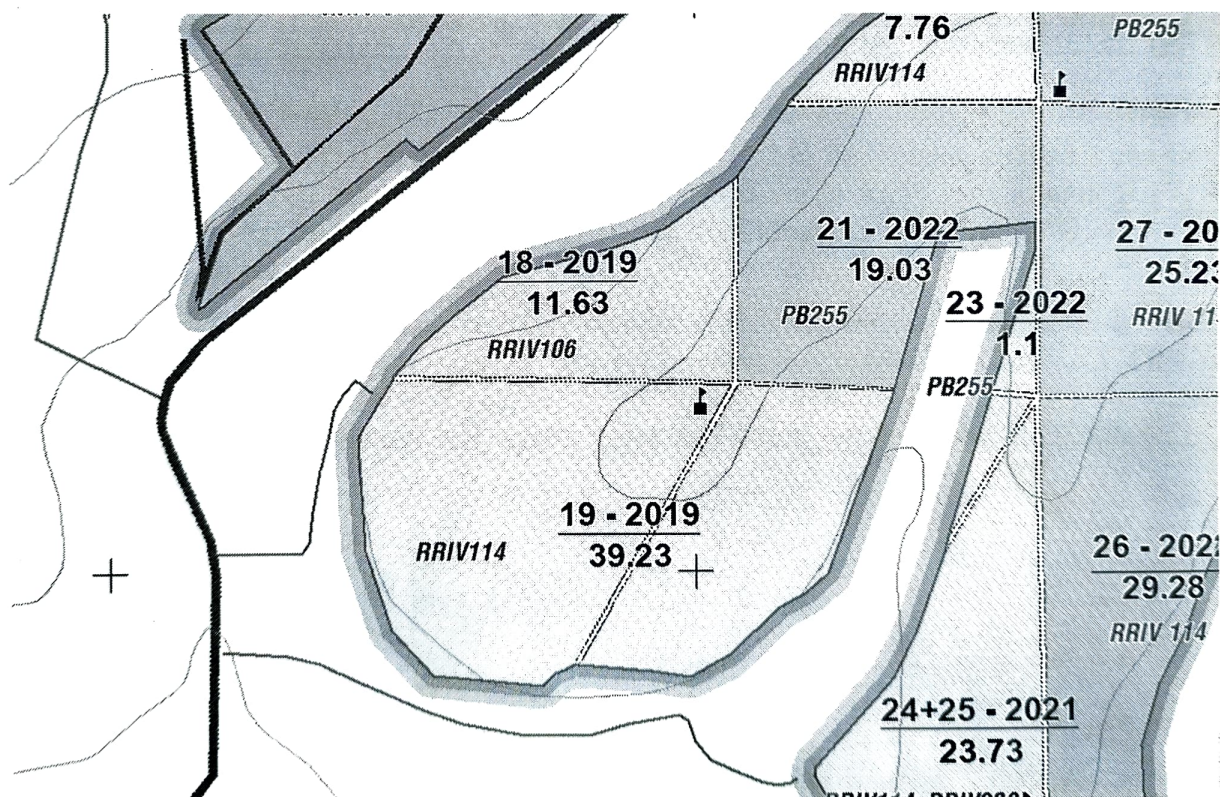
At coordinate point No. 1: area of 23 ha

At coordinate point No. 1, covering an area of 23 ha, the overlap is located within Plot No. 18 and Plot No. 19, which are managed by the Company's Production Team No. 5. Plot No. 18 and Plot No. 19 were originally planted with rubber in 1998 and replanted

in 2019. The coordinates can be verified through Google Earth satellite imagery time series as well as the Company's replanting and plantation maintenance records.



Bản đồ phân tích vị trí bị chồng lấn/ Map of Overlapping Area Analysis



Bản đồ quản lý rừng bền vững của Công ty/ Company Sustainable Forest Management Map



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DIỆN TÍCH VƯỜN CÂY CAO SU CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CAO SU LỘC NINH ĐƯỢC
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM CHO PHÉP THANH LÝ ĐỀ TÁI CANH NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 340 /QĐ-HDQTCSVN ngày 05 /9 /2018)

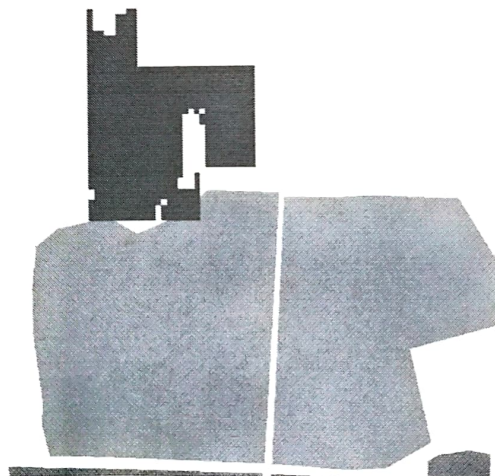
Số TT	Tên lô	Nông trường	Năm trồng	Diện tích	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Nguồn vốn
1	243B,C	2	1992	36,55	746.170.114	718.447.743	27.722.371	Chủ sở hữu
2	3C	2	1992	41,57	848.653.670	817.123.740	31.529.930	Chủ sở hữu
3	3A	2	1996	8,00	259.521.472	197.592.176	61.929.296	Chủ sở hữu
4	5A	2	1992	42,40	865.598.162	833.438.695	32.159.467	Chủ sở hữu
5	32	2	1995	24,70	619.975.508	504.598.696	115.376.812	Chủ sở hữu
6	30	2	1995	7,07	177.458.577	144.433.716	33.024.861	Chủ sở hữu
7	140	3	1997	26,79	589.560.109	448.925.790	140.634.319	Chủ sở hữu
8	141	3	1997	19,49	428.911.031	326.598.120	102.312.911	Chủ sở hữu
9	19	4	1991	16,98	364.904.666	364.904.666	0	Chủ sở hữu
10	20	4	1991	25,74	553.159.370	553.159.370	0	Chủ sở hữu
11	21	4	1991	26,11	561.110.767	561.110.767	0	Chủ sở hữu
12	22	4	1991	21,97	472.141.078	472.141.078	0	Chủ sở hữu
13	97	5	1997	10,60	233.271.264	177.626.479	55.644.785	Chủ sở hữu
14	99	5	1997	24,31	534.983.436	407.367.897	127.615.539	Chủ sở hữu
15	100	5	1997	9,11	200.481.247	152.658.229	47.823.018	Chủ sở hữu
16	101	5	1997	27,96	615.307.975	468.531.731	146.776.244	Chủ sở hữu
17	61	5	1997	9,35	205.762.860	156.679.960	49.082.900	Chủ sở hữu
18	63	5	1997	13,58	298.851.298	227.562.979	71.288.319	Chủ sở hữu
19	64	5	1997	8,50	187.057.146	142.436.328	44.620.818	Chủ sở hữu
20	65	5	1997	3,31	72.842.253	55.466.382	17.375.871	Chủ sở hữu
21	67,68,69	5	1997	5,36	117.956.035	89.818.672	28.137.363	Chủ sở hữu
22	18	5	1998	11,63	266.111.170	188.475.175	77.635.995	Chủ sở hữu
23	19,20	5	1998	39,23	897.638.970	635.759.340	261.879.630	Chủ sở hữu
Cộng:				460,31	10.117.428.178	8.644.857.729	1.472.570.449	

Hồ sơ cho phép tái canh của Công ty/ Appendix: Company Replanting Approval Records

Tại điểm tọa độ số 2: diện tích 0,1 ha. Thuộc lô 246 do Đội sản xuất số 3 của Công ty chăm sóc. Lô 246 được trồng vào năm 1986 và trồng tái canh lại vào năm 2017. Sự chồng lấn là do sai lệch pixel điểm ảnh của bản đồ Global Forest Cover 2020

At coordinate point No. 2: area of 0.1 ha

At coordinate point No. 2, covering an area of 0.1 ha, the overlapping area is located within Plot No. 246, which is managed by the Company's Production Team No. 3. Plot No. 246 was originally planted with rubber in 1986 and replanted in 2017. The overlap results from pixel-level classification discrepancies in the Global Forest Cover 2020 dataset.

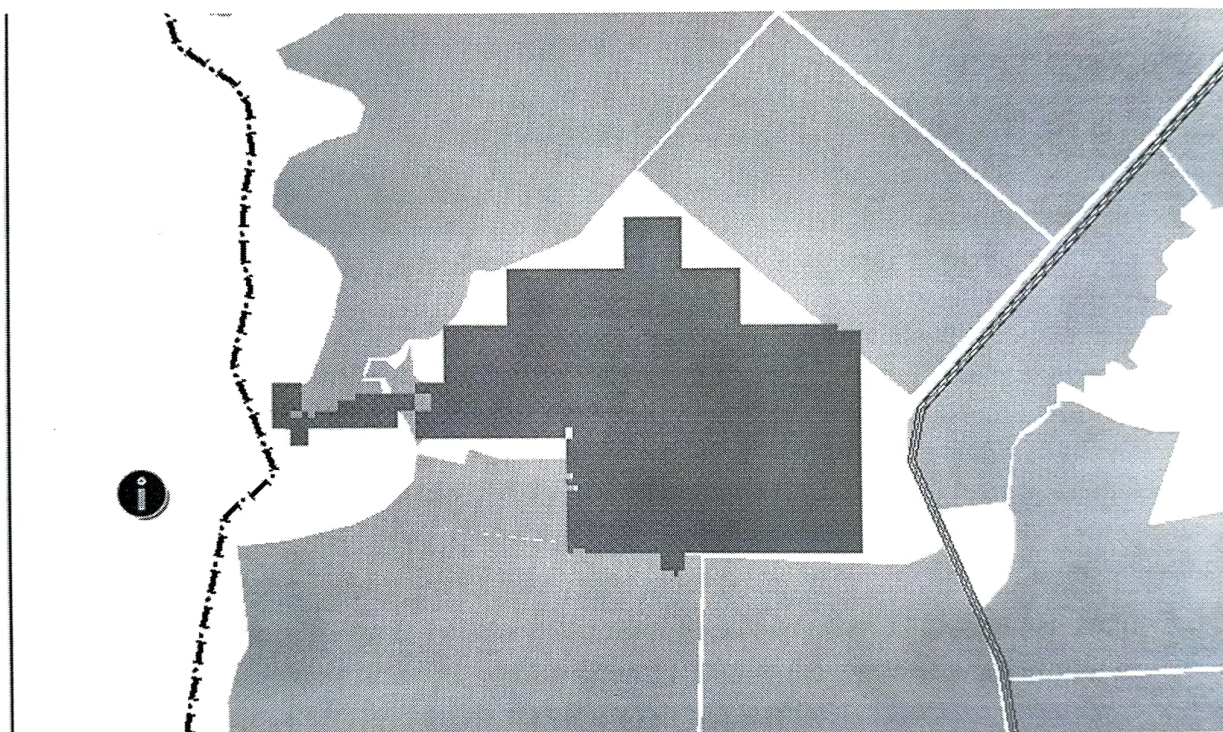


Bản đồ phân tích vị trí bị chồng lấn/ Map of Overlapping Area Analysis

Tại điểm tọa độ số 3: Diện tích 0,7 ha. Thuộc vườn cây trồng năm 2013 do Đội sản xuất số 8 của Công ty chăm sóc. Vị trí bị chồng lấn giáp rừng keo lai và cây bản địa hành lang ven suối nên có sự chồng lấn pixel của ảnh bản đồ Global Forest Cover 2020. Có thể kiểm chứng tọa độ bằng Google Earth hoặc các ảnh vệ tinh khác

At coordinate point No. 3: area of 0.7 ha

At coordinate point No. 3, covering an area of 0.7 ha, the overlapping area falls within a rubber plantation established in 2013 and managed by the Company's Production Team No. 8. The overlap occurs along the boundary adjacent to acacia hybrid forest and native vegetation within a riparian corridor, resulting in pixel-level overlap in the Global Forest Cover 2020 dataset. The coordinates can be verified using Google Earth or other satellite imagery sources.



Bản đồ phân tích vị trí bị chồng lấn/ Map of Overlapping Area Analysis



Ảnh vệ tinh năm 2014/ Google satellite imagery (2014)

Kết luận:

- Toàn bộ diện tích trồng cao su đã hình thành trước năm 2020
- Không có chuyển đổi từ rừng sang trồng cao su sau 31/12/2020
- Không phát hiện mở rộng diện tích gây phá rừng sau 31/12/2020.

Conclusion:

- *All rubber plantation areas were established prior to 2020.*
- *No conversion from forest to rubber plantation occurred after 31 December 2020.*
- *No expansion resulting in deforestation after 31 December 2020 was identified.*

7. KẾT LUẬN RỦI RO EUDR/ EUDR RISK CONCLUSION

Rủi ro phá rừng được đánh giá là **THẤP / KHÔNG ĐÁNG KỂ.**

*The risk of deforestation is assessed as **LOW / NEGLIGIBLE.***

8. TÀI LIỆU KÈM THEO/ SUPPORTING DOCUMENTS

- Bản đồ đất trồng cao su năm 1999
- Kết quả chồng xếp với bản đồ land cover 2020
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Bản đồ 08 đội sản xuất
- Link bản đồ Global forest cover 2020 v3, mã ô N20-E100:
<https://forobs.jrc.ec.europa.eu/GFC>
- *Rubber plantation land use map (1999)*
- *Overlay analysis results with the 2020 land cover map*
- *Land Use Right Certificates (LURCs)*

- Map of eight (08) production teams
- Link to Global Forest Cover 2020 map v3, grid code N20-E100:
<https://forobs.jrc.ec.europa.eu/GFC>

9. TUYÊN BỐ/ DECLARATION

Chúng tôi cam kết các thông tin trong báo cáo này là chính xác và có thể kiểm chứng.

We hereby declare that the information provided in this report is accurate and verifiable.

Ghi chú: Cập nhật do thay đổi thông tin hành chính và cập nhật phiên bản Global forest cover 2020 v3/2025.

Note: Updated to reflect changes in administrative information and the updated Global Forest Cover 2020 dataset (version v3/2025)

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Deputy General Director)



Nguyễn Duy Tâm

Phó Ban TT Ban Chỉ đạo TTX & PTBV
(Deputy Head of the Steering Committee for Green Growth and Sustainable Development)

**TM TỔ THỰC HIỆN COC – EUDR
THÀNH VIÊN**

Hoàng Văn Cảnh

(Member of the CoC-EUDR Team – Mapping and GIS Technician)

Nơi nhận:

- Ban TGD (để biết);
- BCĐ TTX&PTBV;
- Tổ Coc – EUDR;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Các đội sản xuất;
- Lưu: Thư ký Coc, EUDR.